| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 125/2026/DS-ST
Ngày: 12- 5 - 2026
V/v: *"Tranh chấp tiền hụi"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Dư Thanh Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đào Quốc Kiễng

Ông Huỳnh Việt Bắc

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2025/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp tiền hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST - DS, ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1972; căn cước công dân số 096172009425.

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Bà Trần Pha L, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Ông Phạm Văn H

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Lê Cẩm T trình bày:*

Ngày 25/01/2021 âm lịch, bà L có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khui 1 lần, dây hụi gồm 43 chân, có làm giấy hụi, bà T tham gia 1 chân để tên là 7 Nhã. Bà T tham gia đến kỳ cuối và hốt với số tiền 42.000.000 đồng, đối trừ tiền cò 500.000 đồng, còn lại bà L phải giao cho bà T là 41.500.000 đồng nhưng chưa giao. Bà T yêu cầu bà L, ông H trả số tiền hụi 41.500.000 đồng.

** Bà Trần Pha L trình bày:*

Bà L đồng ý với trình bày của bà T, bà thừa nhận còn nợ tiền hụi bà T với số tiền 41.500.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà T nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt điểm khoản nợ tiền hụi.

* Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn H đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa bà T với bà L và ông H là "Tranh chấp tiền hụi", theo khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông H theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Bà Lê Cẩm T và bà Trần Pha L cùng thống nhất ngày 25/01/2021 âm lịch, bà L có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khui 1 lần, dây hụi gồm 43 chân. Bà T tham gia đến kỳ cuối và hốt với số tiền 42.000.000 đồng, đối trừ tiền cò 500.000 đồng, còn lại là 41.500.000 đồng nhưng bà L chưa giao cho bà T. Sự việc được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T yêu cầu bà L trả số tiền 41.500.000 đồng, bà L đồng ý trả tiền cho bà T nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt điểm, bà T không đồng ý theo phương thức trả tiền của bà L. Xét yêu cầu của bà L nhận thấy yêu cầu của bà L, bà L được quyền thỏa thuận phương thức trả tiền ở giai đoạn thi hành án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông H thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H không có ý kiến gì liên quan đến số tiền hụi bà T yêu cầu ông H và bà L trả và vắng mặt không lý do. Hơn nữa ông H và bà L là vợ chồng còn trong thời kỳ hôn nhân, bà L đã thừa nhận còn nợ tiền hụi bà T, cho thấy mặt nhiên ông H biết và thừa nhận còn nợ tiền hụi bà T.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T; buộc bà L và ông H trả cho bà T số tiền 41.500.000 đồng.

[4] Về án phí:

- Bà Lê Cẩm T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 1.038.000 đồng, trả lại cho bà T.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Pha L và ông Phạm Văn H phải chịu trên số tiền phải trả cho bà T, với số tiền án phí là 2.075.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm T về việc yêu cầu bà Trần Pha L và ông Phạm Văn H trả tiền hụi. Buộc bà Trần Pha L và ông Phạm Văn H trả cho bà Lê Cẩm T số tiền hụi là 41.500.000 (Bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng.

*Kể từ ngày bà Lê Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Pha L và ông Phạm Văn H chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Về án phí:

- Bà Lê Cẩm T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 1.038.000 (Một triệu không trăm ba mươi tám nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004891 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, trả lại cho bà T.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Pha L và ông Phạm Văn H phải chịu với số tiền là 2.075.000 (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
*- Phòng GĐ, KT, TT &THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
*- VKSND khu vực 2- Cà Mau, tỉnh Cà Mau (1b);*
*- Phòng THADS khu vực 2- cà Mau, tỉnh Cà Mau (1b);*
*- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);*
*-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dư Thanh Nguyễn**